TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Nguyễn Văn Mạnh; **2.** Bà Cao Thị Hồng Châu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: *Bà* Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh ĐăkLăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị D, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Đội 2, thôn 1B, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.
- **Bị đơn**: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Đội 2, thôn 1B, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994, đăng ký kết hôn ngày 27/5/2004 tại UBND xã E, huyện C. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng, anh L không chịu làm ăn, hay uống rượu về rồi đánh đập vợ. Từ năm 2019 đến nay anh chị không còn

chung sống với nhau nữa. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Đỗ Xuân P, sinh năm 1995; Đỗ Thị H, sinh năm 1999 và Đỗ Xuân H, sinh năm 2001. Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Đỗ Văn L trình bày: Anh và chị Trần Thị D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1994, đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C. Trong thời gian chung sống anh chị thường cãi vã do bất đồng quan điểm sống, anh chỉ đánh chị D một lần do tức giận. Đến năm 2019 thì anh chị không còn chung sống với nhau. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh từ chối tham gia hòa giải tại Tòa án.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Đỗ Xuân P, sinh năm 1995; Đỗ Thị H, sinh năm 1999 và Đỗ Xuân H, sinh năm 2001. Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D, chị Trần Thị D được ly hôn với anh Đỗ Văn L. Về con chung: các con đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Đỗ Văn L nhưng anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 14/5/2021 nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị Trần Thị D và anh Đỗ Văn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, anh L không lo làm ăn, thường uống rượu về gây gổ đánh đập chị D, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị không sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian đó hai bên không có biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay chị D xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với anh L, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị D. Việc chị D và anh L cùng đồng ý ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Đỗ Xuân P, sinh năm 1995; Đỗ Thị H, sinh năm 1999 và Đỗ Xuân H, sinh năm 2001. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh Đỗ Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUY**ẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Dung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Đỗ Văn L.

2. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0019875 ngày 10/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh ĐắkLắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkLắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã E
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý